



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Tên ngành đào tạo: NGÔN NGỮ ANH
(ENGLISH LANGUAGE)

Mã ngành đào tạo: 7220201

Chuyên ngành đào tạo: Tiếng Anh thương mại

Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1302 /QĐ-ĐHNH, ngày 01 tháng 8 năm 2018
của Hiệu trưởng trường đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1 Mục tiêu chung:

Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Tiếng Anh thương mại có đủ kiến thức nền tảng về ngôn ngữ Anh, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp để làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tài chính, thương mại trong và ngoài nước đáp ứng yêu cầu của xã hội. Sinh viên cũng có năng lực tự học và tự nghiên cứu ở bậc cao hơn.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

Về kiến thức:

- Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức khoa học xã hội cơ bản.
- Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức lý thuyết ngôn ngữ Anh về văn hóa văn minh xã hội, văn học Anh- Mỹ, kiến thức nền tảng trong lĩnh vực kinh doanh, quản trị, thương mại.
- Sinh viên có kiến thức cơ bản và nâng cao về lĩnh vực biên phiên dịch.

Về kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp:

- Sinh viên tốt nghiệp có kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong các tình huống khác nhau từ xã hội, kinh tế, thương mại, v.v.v.
- Sinh viên tốt nghiệp có kỹ năng tư duy hệ thống và làm việc nhóm.
- Sinh viên tốt nghiệp có kỹ năng nghiên cứu về ngôn ngữ, xã hội.

Về thái độ và phẩm chất nghề nghiệp:

- Sinh viên tốt nghiệp có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, có trách nhiệm, năng động, tư duy phê phán, khả năng suy ngẫm;
- Sinh viên tốt nghiệp có tính kiên trì, say mê công việc, có hành vi chuyên nghiệp.

Về năng lực thực hành nghề nghiệp:

- Sinh viên tốt nghiệp có đủ năng lực làm việc độc lập đảm nhiệm các công việc có liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, giao dịch thương mại, trong môi trường quốc tế sử dụng tiếng Anh.
- Sinh viên tốt nghiệp có năng lực hình thành ý tưởng cho công việc.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Sinh viên tốt nghiệp có thể làm công việc biên phiên dịch trong các lĩnh vực phổ thông, thương mại, tài chính ngân hàng cần sử dụng tiếng Anh
- Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh có thể làm việc trong các tổ chức cần sử dụng tiếng Anh, các tổ chức thương mại, kinh doanh, tài chính ngân hàng.
- Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận công tác giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành tại các cơ sở đào tạo khác nhau sau khi đã bổ sung kiến thức và kỹ năng sư phạm.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Thiết kế thời gian tổ chức đào tạo là 04 năm với 08 học kỳ chính và 03 học kỳ hè. Trong các học kỳ chính, 07 học kỳ đầu sinh viên chủ yếu được học tập trên giảng đường, học kỳ cuối là học kỳ thực tập cuối khóa và thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp có số tín chỉ tương đương. Sinh viên có thể đăng ký học lại, học cải thiện, học vượt trong các học kỳ chính và học kỳ hè. Học kỳ hè được tổ chức đào tạo theo nhu cầu của sinh viên.

Sinh viên có thể học vượt để hoàn thành chương trình trước 01 năm rưỡi so với thời gian đào tạo chuẩn 4 năm thiết kế. Thời gian học tập kéo so với thời gian đào tạo chuẩn không quá 02 năm.

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC

Tổng số tín chỉ của Chương trình đào tạo là 134 đơn vị tín chỉ (đvtc), không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất (5 đvtc) và Giáo dục quốc phòng (8 đvtc).

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO – ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định chi tiết của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

7. THANG ĐIỂM

Áp dụng theo thang điểm 10, điểm chữ và thang điểm hệ 4 được quy đổi từ thang điểm 10 chỉ sử dụng mang tính tham khảo, đối chiếu.

8. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THAM KHẢO – ĐỐI SÁNH

8.1 Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012

8.2 Chương trình đào tạo Tiếng Anh thương mại của Trường Đại học Mở TP.HCM ban hành năm 2015

8.3 Chương trình đào tạo Tiếng Anh kinh doanh của Trường Đại học Tài chính-Marketing ban hành năm 2015

8.4 Chương trình Tiếng Anh thương mại của Trường Đại học Kinh tế TP.HCM ban hành năm 2015

8.5. Chương trình đào tạo cử nhân Trường Đại học Nottingham, Vương quốc Anh

9. KẾT CẤU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

MỤC	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	TỶ LỆ (%)
1.1	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	12	30	22,38%
1.2	CƠ SỞ NGÀNH	20	60	44,78%
1.3	NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH	14	44	32,84%
	TỔNG CỘNG	46	134	100

10. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	TÊN MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ	MÔN HỌC TIỀN ĐỀ*
1.1	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	30	
	<i>Học phần bắt buộc</i>		
1.1.1	Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1/ <i>The Basic Principles of Marxism and Leninism 1</i>	2	

1.1.2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2/ <i>The Basic Principles of Marxism and Leninism 2</i>	3	1.1.1
1.1.3	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	1.1.1, 1.1.2
1.1.4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam/ <i>The Revolutionary Lines of the Vietnamese Communist Party</i>	3	1.1.1, 1.1.2
1.1.5	Tiếng Việt thực hành/ <i>Practical Vietnamese</i>	2	
1.1.6	Dẫn luận ngôn ngữ học/ <i>Introduction to Linguistics</i>	2	1.1.5
1.1.7	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ <i>Introduction to the English Language</i>	2	
1.1.8	Sinh viên chọn 1 trong 2 ngôn ngữ: - Tiếng Trung Quốc 1 / <i>Chinese 1</i> - Tiếng Nhật 1/ <i>Japanese 1</i>	3	
1.1.9	- Tiếng Trung Quốc 2 / <i>Chinese 2</i> - Tiếng Nhật 2/ <i>Japanese 2</i>	3	1.1.8
1.1.10	- Tiếng Trung Quốc 3 / <i>Chinese 3</i> - Tiếng Nhật 3/ <i>Japanese 3</i>	3	1.1.9
1.1.11	- Tiếng Trung Quốc 4 / <i>Chinese 4</i> - Tiếng Nhật 4/ <i>Japanese 4</i>	3	1.1.10
	Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần sau)		
1.1.12	Cơ sở văn hóa Việt Nam/ <i>Fundamentals of Vietnamese Culture</i>	2	
1.1.13	Logic học/ <i>Logic</i>	2	
1.1.14	Tâm lý học/ <i>Psychology</i>	2	
1.2	KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	60	
	Học phần bắt buộc		
1.2.1	Ngữ pháp/ <i>Grammar</i>	3	
1.2.2	Phát âm/ <i>Pronunciation</i>	3	
1.2.3	Tiếng Anh- Nghe 1/ <i>Listening 1</i>	3	

1.2.4	Tiếng Anh- Nghe 2/ <i>Listening 2</i>	3	1.2.3
1.2.5	Tiếng Anh- Nghe 3/ <i>Listening 3</i>	3	1.2.4
1.2.6	Tiếng Anh- Nghe 4/ <i>Listening 4</i>	3	1.2.5
1.2.7	Tiếng Anh- Nói 1/ <i>Speaking 1</i>	3	
1.2.8	Tiếng Anh- Nói 2/ <i>Speaking 2</i>	3	1.2.7
1.2.9	Tiếng Anh- Nói 3/ <i>Speaking 3</i>	3	1.2.8
1.2.10	Tiếng Anh- Nói 4/ <i>Speaking 4</i>	3	1.2.9
1.2.11	Tiếng Anh- Đọc 1/ <i>Reading 1</i>	3	
1.2.12	Tiếng Anh- Đọc 2/ <i>Reading 2</i>	3	1.2.11
1.2.13	Tiếng Anh- Đọc 3/ <i>Reading 3</i>	3	1.2.12
1.2.14	Tiếng Anh- Đọc 4/ <i>Reading 4</i>	3	1.2.13
1.2.15	Tiếng Anh- Viết 1/ <i>Writing 1</i>	3	1.2.1
1.2.16	Tiếng Anh- Viết 2/ <i>Writing 2</i>	3	1.2.15
1.2.17	Tiếng Anh- Viết 3/ <i>Writing 3</i>	3	1.2.16
1.2.18	Tiếng Anh- Viết 4/ <i>Writing 4</i>	3	1.2.17
1.2.19	Kỹ năng thuyết trình/ <i>Presentation Skills</i>	3	1.2.4,1.2.8
	Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần sau)		
1.2.20	Tiếng Trung quốc thương mại/ <i>Business Chinese</i> ; hoặc Tiếng Nhật thương mại/ <i>Business Japanese</i>	3	1.1.11
1.2.21	Kỹ năng làm bài thi HSK/ <i>HSK Examination Skills</i> ; hoặc Kỹ năng làm bài thi JLPT/ <i>JLPT Examination Skills</i>	3	1.1.11
1.2.22	Thực hành viết thư tín thương mại/ <i>Business Correspondence Writing</i>	3	1.2.17
1.3	KHỐI KIẾN THỨC NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH	44	
	Kiến thức Ngành	20	

	Học phần bắt buộc		
1.3.1	Ngữ âm – Âm vị học/ <i>Phonetics - Phonology</i>	2	1.6, 1.2.2
1.3.2	Hình thái- Cú pháp học/ <i>Morphology- Syntax</i>	2	1.2.1, 1.3.1
1.3.3	Ngữ nghĩa học/ <i>Semantics</i>	2	1.3.2
1.3.4	Văn hoá Anh- Mỹ/ <i>British-American Culture</i>	3	1.2.6, 1.2.14
1.3.5	Dẫn luận văn học Anh - Mỹ/ <i>Introduction to British and American Literature</i>	3	1.3.4
1.3.6	Lý thuyết biên dịch/ <i>Theory of Translation</i>	2	1.2.1, 1.2.14
	Học phần tự chọn (sinh viên chọn 2 [học phần 3 tín chỉ] hoặc 3 [học phần 2 tín chỉ] học phần trong số các học phần sau		
1.3.7	Ngôn ngữ học đối chiếu/ <i>Contrastive Linguistics</i>	3	1.2.17, 1.3.2
1.3.8	Giao tiếp liên văn hóa/ <i>Cross-Cultural Communications</i>	3	1.3.4
1.3.9	Tiếng Anh chuyên ngành luật kinh doanh/ <i>English for Business Law</i>	3	1.2.6, 1.2.10, 1.2.13
1.3.10	Tiếng Anh chuyên ngành quản lý nhân sự/ <i>English for Human Resources Management</i>	3	1.2.6, 1.2.10, 1.2.13
1.3.11	Kinh tế học vi mô/ <i>Microeconomics</i>	3	
1.3.12	Quản trị học/ <i>Fundamentals of Management</i>	2	
1.3.13	Nguyên lý Marketing/ <i>Principles of Marketing</i>	2	
1.3.14	Nguyên lý kế toán/ <i>Principles of Accounting</i>	3	
1.3.15	Lý luận về nhà nước và pháp luật/ <i>Theory of State and Law</i>	2	
	Kiến thức Chuyên ngành	24	
	Học phần bắt buộc		
1.3.16	Thực hành biên dịch thương mại Anh – Việt/ <i>English–Vietnamese Business Translation</i>	3	1.3.6
1.3.17	Thực hành biên dịch thương mại Việt – Anh/	3	1.3.16

	<i>Vietnamese–English Business Translation</i>		
1.3.18	Tiếng Anh thương mại 1/ <i>Business English 1</i>	3	1.2.5, 1.2.9, 1.2.13
1.3.19	Tiếng Anh thương mại 2 / <i>Business English 2</i>	3	1.2.5, 1.2.9, 1.2.13
1.3.20	Học phần Thực tập cuối khóa/ <i>Internship</i>	3	Theo Quy chế đào tạo
1.3.21	Học phần Khóa luận tốt nghiệp/ <i>Dissertations</i>	9	Theo Quy chế đào tạo
	<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>	9	
1.3.22	Phiên dịch thương mại/ <i>Business Interpretation</i>	3	1.3.17
1.3.23	Phân tích diễn ngôn/ <i>Discourse Analytics</i>	3	1.3.3, 1.3.6
1.3.24	Tiếng Anh giao tiếp kinh doanh/ <i>English for Business Communication</i>	3	1.2.6, 1.2.10

Ghi chú (*) Ghi số thứ tự môn học trước đó nếu có yêu cầu tiên đề

11. PHÂN BỐ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HỌC KỲ

11.1 Học kỳ 1

STT (*)	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1.1.7	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2
1.2.1	Ngữ pháp	3
1.2.3	Tiếng Anh- Nghe 1	3
1.2.7	Tiếng Anh- Nói 1	3
1.2.11	Tiếng Anh- Đọc 1	3
1.2.15	Tiếng Anh- Viết 1	3
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	17

11.2 Học kỳ 2

STT (*)	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
------------	----------------------	---------------

1.1.5	Tiếng Việt thực hành	2
1.2.2	Phát âm	3
1.2.4	Tiếng Anh- Nghe 2	3
1.2.8	Tiếng Anh- Nói 2	3
1.2.12	Tiếng Anh- Đọc 2	3
1.2.16	Tiếng Anh- Viết 2	3
1.1.8	Ngoại ngữ 2: Tiếng Trung quốc 1/ Tiếng Nhật 1	3
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	20

11.3 Học kỳ 3

STT (*)	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1.1.6	Dẫn luận ngôn ngữ học	2
1.2.5	Tiếng Anh- Nghe 3	3
1.2.9	Tiếng Anh- Nói 3	3
1.2.13	Tiếng Anh- Đọc 3	3
1.2.17	Tiếng Anh- Viết 3	3
1.1.9	Ngoại ngữ 2: Tiếng Trung quốc 2/ Tiếng Nhật 2	3
1.1.12- 1.1.14	Các học phần tự chọn đại cương	2
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	19

11.4 Học kỳ 4

STT (*)	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1.1.1	Những Nguyên lý Cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin 1	2
1.2.6	Tiếng Anh- Nghe 4	3
1.2.10	Tiếng Anh- Nói 4	3

1.2.14	Tiếng Anh- Đọc 4	3
1.2.18	Tiếng Anh- Viết 4	3
1.1.10	Ngoại ngữ 2: Tiếng Trung quốc 3/ Tiếng Nhật 3	3
1.3.1	Ngữ âm- Âm vị học	2
1.3.6	Lý thuyết biên dịch	2
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	21

11.5 Học kỳ 5

STT (*)	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1.1.2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3
1.3.2	Hình thái- Cú pháp học	2
1.3.4	Văn hóa Anh- Mỹ	3
1.1.11	Ngoại ngữ 2: Tiếng Trung quốc 4/ Tiếng Nhật 4	3
1.3.3	Ngữ nghĩa học	2
1.3.16	Thực hành biên dịch thương mại Anh- Việt	3
1.3.18	Tiếng Anh thương mại 1	3
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	19

11.6 Học kỳ 6

STT (*)	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1.1.3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
1.3.19	Tiếng Anh thương mại 2	3
1.2.19	Kỹ năng thuyết trình	3
1.3.5	Dẫn luận văn học Anh- Mỹ	3
1.3.17	Thực hành biên dịch thương mại Việt- Anh	3
1.2.20-	Các học phần tự chọn cơ sở ngành	3

1.2.22		
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	17

11.7 Học kỳ 7

STT (*)	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1.1.4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
1.3.7- 1.3.15	Các học phần tự chọn ngành	6
1.3.22	Phiên dịch thương mại	3
1.3.23	Phân tích diễn ngôn	3
1.3.24	Tiếng Anh giao tiếp kinh doanh	3
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	18

11.8 Học kỳ 8

STT (*)	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1.3.20	Học phần Thực tập cuối khóa	3
1.3.21	Học phần Khóa luận tốt nghiệp	9
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	12

Ghi chú: (*) Ghi theo số thứ tự trong Bảng Khung Chương trình đào tạo

12. MÔ TẢ NỘI DUNG MÔN HỌC

1.1.1-1.1.2. Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin 1, 2 (5 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: không có

Mô tả: Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng; xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

1.1.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1,2

Mô tả: Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa của Hồ Chí Minh; tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin; tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta; góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

1.1.4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Những Nguyên cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê nin 1,2

Mô tả: Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng; giúp sinh viên vận dụng những kiến thức để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

1.1.5. Tiếng Việt thực hành (2 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước:

Mô tả: Môn học thuộc nhóm môn học kiến thức giáo dục đại cương được xây dựng để cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Ngôn ngữ học tiếng Việt, rèn luyện các kỹ năng sử dụng chuẩn xác tiếng Việt. Các kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Việt là cơ sở để sinh viên học tập và nghiên cứu ngôn ngữ, so sánh đối chiếu tiếng Việt với tiếng nước ngoài.

1.1.6. Dẫn luận ngôn ngữ học (2 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Tiếng Việt thực hành

Mô tả: Môn học được thiết kế nhằm hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản về ngôn ngữ học như bản chất, chức năng bản thể, .v.v., làm cơ sở cho việc nghiên cứu chuyên sâu về ngoại ngữ và sử dụng ngôn ngữ có hiệu quả hơn trong học tập và thực tiễn công việc. Bên cạnh đó, môn học cung cấp kiến thức nền về ngữ âm, từ vựng-ngữ nghĩa, ngữ pháp, ngữ dụng và văn tự của ngôn ngữ.

1.1.7. Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh (2 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước:

Mô tả: Nhập môn ngành (Giới thiệu ngành) là môn học giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về ngành học; vượt qua những bỡ ngỡ ban đầu trong một không gian và phương pháp hoàn toàn mới; bước đầu hình thành kế hoạch đào tạo cá nhân để từ đó tự tin và làm chủ quá trình đào tạo. Môn học nhập môn ngành trong chương trình đào tạo được thiết kế theo một hướng tiếp cận hoàn toàn mới nhằm giúp người học không những có hiểu biết về ngành học mà còn được trang bị những kỹ năng cần thiết khác cho việc học đại học như làm việc nhóm, trình bày báo cáo, giao tiếp...

1.1.8. Tiếng Trung quốc 1 (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước:

Mô tả: Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về phát âm tiếng Trung Quốc, quy tắc viết chữ Hán, cấu tạo chữ Hán, các từ vựng và kiến thức ngữ pháp giai đoạn cơ bản. Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ cơ bản. Sau môn học này, sinh viên sẽ tích lũy được khoảng 150 từ vựng thường dùng, đạt trình độ HSK cấp 1 (tức trình độ A1 của Khung năng lực ngoại ngữ châu Âu).

Tiếng Nhật 1 (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước:

Mô tả: Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản và luyện cho sinh viên nghe những mẫu câu, nói được mẫu đối thoại đơn giản qua 5 bài học sơ cấp đầu tiên. Sinh viên biết tra từ điển và nhận diện các kiểu chữ trong tiếng Nhật.

1.1.9. Tiếng Trung quốc 2 (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Tiếng Trung quốc 1

Mô tả: Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về phát âm tiếng Trung Quốc, các từ vựng và kiến thức ngữ pháp giai đoạn sơ cấp. Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ sơ cấp. Sau học phần này, sinh viên sẽ tích lũy được khoảng 300 từ vựng thường dùng, đạt trình độ HSK cấp 2 (tức trình độ A2 của Khung năng lực ngoại ngữ châu Âu).

Tiếng Nhật 2 (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Tiếng Nhật 1

Mô tả: Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản và luyện cho sinh viên nghe, nói, đọc, viết những mẫu câu, mẫu đối thoại đơn giản trong nội dung 6 bài học sơ cấp tiếp theo. Sinh viên biết tra từ điển và viết được 71 chữ Kanji trong tiếng Nhật.

1.1.10. Tiếng Trung quốc 3 (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Tiếng Trung quốc 2

Mô tả: Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cấu tạo từ tiếng Trung Quốc, cấu trúc chữ Hán, các từ vựng và kiến thức ngữ pháp giai đoạn tiền trung cấp. Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ tiền trung cấp. Sau học phần này, sinh viên sẽ tích lũy được khoảng 450 từ vựng thường dùng.

Tiếng Nhật 3 (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Tiếng Nhật 2

Mô tả: Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản và luyện cho sinh viên nghe, nói, đọc, viết những mẫu câu, mẫu đối thoại, hội thoại cao hơn, các cấu trúc ngữ pháp, cấu trúc câu phức tạp hơn trong nội dung 7 bài học sơ cấp tiếp theo. Cung cấp, luyện tập cho sinh viên nhận biết, đọc được và viết được 72 chữ Hán (Kanji).

1.1.11. Tiếng Trung quốc 4 (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Tiếng Trung quốc 3

Mô tả: Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cấu tạo từ tiếng Trung Quốc, cấu trúc chữ Hán, các từ vựng và kiến thức ngữ pháp giai đoạn trung cấp. Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ trung cấp. Sau học phần này, sinh viên sẽ tích lũy được khoảng 600 từ vựng thường dùng, đạt trình độ HSK cấp 3 (tức trình độ B1 của Khung năng lực ngoại ngữ châu Âu).

Tiếng Nhật 4 (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Tiếng Nhật 3

Mô tả: Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản và luyện cho sinh viên nghe, nói, đọc, viết những mẫu câu, mẫu đối thoại, hội thoại cao hơn, cách chia các loại động từ dưới nhiều hình thức khác nhau, các cấu trúc ngữ pháp, cấu trúc câu phức tạp hơn trong nội dung 7 bài học sơ cấp tiếp theo. Cung cấp, luyện tập cho sinh viên nhận biết, đọc được và viết được 77 chữ Hán (Kanji).

1.1.12. Cơ sở văn hóa Việt Nam (2 tín chỉ)

Tính chất môn học: Tự chọn

Môn học trước: không có

Mô tả: Môn học cung cấp những kiến thức về đại cương văn hóa, những nền tảng, cơ sở của văn hóa Việt Nam: yếu tố lịch sử, nguồn gốc và những biểu hiện đặc trưng cơ bản của văn hóa Việt Nam. Rèn luyện các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình cho sinh viên. Bồi dưỡng tình cảm thái độ trân trọng, tự hào về những giá trị văn hóa, lịch sử dân tộc Việt Nam và tích cực giữ gìn phát huy những giá trị văn hóa của dân tộc.

1.1.13. Logic học (2 tín chỉ)

Tính chất môn học: Tự chọn

Môn học trước:

Mô tả: Môn học giới thiệu 06 chương: Đại cương về lôgic học; Những quy luật cơ bản của tư duy; Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Chứng minh, bác bỏ, ngụ biện và những bài tập ứng dụng nhằm cung cấp một số kiến thức lô gích căn bản như là phương tiện tối thiểu để rèn luyện và nâng cao kỹ năng tư duy cho người học, giúp người học tư duy nhanh, chính xác, lập luận chặt, chứng minh, bác bỏ một cách thuyết phục, trình bày tư tưởng ngắn gọn, khúc chiết, rõ ràng, mạch lạc, biết phát hiện những đúng, sai, tráo trở, ngụ biện trong lập luận của người khác.

1.1.14. Tâm lý học (2 tín chỉ)

Tính chất môn học: Tự chọn

Môn học trước: không có

Mô tả: Môn học cung cấp cho sinh viên hệ thống những tri thức cơ bản về tâm lý của con người bao gồm: bản chất tâm lý người, phân loại các hiện tượng tâm lý, các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý, các hiện tượng tâm lý cơ bản: nhận thức, tình cảm, nhân cách. Trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích những ví dụ thực tế có liên quan đến các tri thức tâm lý được học, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho bản thân và hình thành ý thức rèn luyện nhân cách cho sinh viên.

1.2.1. Ngữ pháp (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước:

Mô tả: Môn học được thiết kế nhằm giúp sinh viên củng cố những điểm ngữ pháp thường gặp trong các hoạt động thương mại. Sinh viên được mở rộng kiến thức về ngữ pháp và những chức năng ngôn ngữ. Từ đó sinh viên có thể sử dụng ngôn ngữ một cách chính xác và phù hợp trong các tình huống giao tiếp và làm quen với tiếng Anh thương mại.

1.2.2. Phát âm (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước:

Mô tả: Môn học được thiết kế nhằm hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng phát âm bao gồm các vấn đề có liên quan đến âm tiết, trọng âm, ngữ điệu..., góp phần cải thiện kỹ năng nghe và nói trong thực tiễn giao tiếp. Bên cạnh đó, môn học còn giúp sinh viên nắm được các ký hiệu phiên âm, hỗ trợ cho việc sử dụng tự điển trong quá trình tự học và rèn luyện.

1.2.3. Tiếng Anh- Nghe 1 (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước:

Mô tả: Môn học được thiết kế nhằm hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên luyện tập kỹ năng nghe ở cấp độ cơ bản- nhận biết và sắp xếp thông tin. Môn học cung cấp cho sinh viên bài tập luyện nghe ngắn, đa dạng về nội dung và thể loại nhằm giúp cho sinh viên làm quen với tình huống nghe khác nhau và xây dựng vốn từ vựng tiếng Anh trong môi trường giao tiếp kinh doanh.

1.2.4. Tiếng Anh- Nghe 2 (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Tiếng Anh- Nghe 1

Mô tả: Môn học được thiết kế nhằm hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên luyện tập kỹ năng nghe ở cấp độ cơ bản- nhận biết và sắp xếp thông tin. Môn học cung cấp cho sinh viên bài tập luyện nghe ngắn, đa dạng về nội dung và thể loại nhằm giúp cho sinh viên làm quen với tình huống nghe khác nhau và xây dựng vốn từ vựng tiếng Anh trong môi trường giao tiếp kinh doanh.

1.2.5. Tiếng Anh- Nghe 3 (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Tiếng Anh- Nghe 2

Mô tả: Môn học được thiết kế nhằm giúp sinh viên nâng cao kỹ năng nghe từ cấp độ trung cao đến tiền cao cấp thông qua các bài luyện nghe dài hơn, với mức độ khó hơn. Sinh viên được tạo điều kiện luyện tập kỹ năng nghe với các thủ thuật dự đoán tình huống, dự đoán kết quả một cách logic, suy luận ý nghĩa thông qua gợi ý về ngữ cảnh. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên làm quen với các dạng bài thi kiểm tra kỹ năng nghe trong kỳ thi quốc tế như: IELTS, TOEIC, TOEFL...

1.2.6. Tiếng Anh- Nghe 4 (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Tiếng Anh- Nghe 3

Mô tả: Môn học được thiết kế nhằm giúp sinh viên tiếp tục nâng cao kỹ năng nghe từ cấp độ tiền cao cấp đến cao cấp thông qua các bài luyện nghe dài hơn, với mức độ khó

hơn. Sinh viên tiếp tục luyện tập kỹ năng nghe với các thủ thuật dự đoán tình huống, dự đoán kết quả một cách logic, suy luận ý nghĩa thông qua gợi ý về ngữ cảnh một cách thông thạo hơn. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên tiếp tục làm quen với các dạng bài thi kiểm tra kỹ năng nghe trong kỳ thi quốc tế như: IELTS, TOEIC, TOEFL....

1.2.7. Tiếng Anh- Nói 1 (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước:

Mô tả: Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng đơn giản trong môi trường giao tiếp kinh doanh. Môn học hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên sử dụng các kỹ năng tiếng Anh ở mức độ trung cấp – tự giới thiệu bản thân, cho ý kiến cá nhân về các chủ đề đơn giản, vận dụng các mẫu câu cho sẵn vào các mẫu đối thoại ngắn và đơn giản.

1.2.8. Tiếng Anh- Nói 2 (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Tiếng Anh- Nói 1

Mô tả: Môn học được thiết kế nhằm tiếp tục giúp sinh viên phát triển kỹ năng nói từ cấp độ trung cấp đến trung cao với việc tạo điều kiện cho sinh viên luyện tập kỹ năng nói - diễn đạt ý kiến cá nhân về các chủ đề trong công việc, tổng hợp và báo cáo thông tin thu thập được, làm quen với hình thức nhóm nhỏ. Môn học cung cấp cho sinh viên bài tập luyện nói với độ dài và độ khó trung bình, lượng từ vựng từ trung cấp đến trung cao.

1.2.9. Tiếng Anh- Nói 3 (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Tiếng Anh- Nói 2

Mô tả: Môn học cung cấp cho sinh viên lượng từ vựng ở trình độ từ Trung cao đến tiên Cao cấp trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính ngân hàng. Môn học giúp cho sinh viên nâng cao kỹ năng nói – diễn đạt quan điểm về các mối quan hệ, vận dụng ngôn ngữ vào các bài thuyết trình, thương thảo, hay hội nghị, thảo luận theo nhóm và giải quyết các mâu thuẫn theo chủ đề. Môn học còn tạo điều kiện cho sinh viên hình thành thói quen tự tư duy và sử dụng cấu trúc đúng trong các tình huống có thật trong cuộc sống.

1.2.10. Tiếng Anh- Nói 4 (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Tiếng Anh- Nói 3

Mô tả: Môn học được thiết kế nhằm giúp sinh viên tiếp tục nâng cao kỹ nói từ cấp độ tiền cao cấp đến cao cấp thông qua các bài tập nói có tình huống thực tế trong thuyết trình, đàm phán, thảo luận với độ khó nâng cao. Môn học tạo điều kiện cho sinh viên tiếp tục luyện tập kỹ năng nói với các hoạt động tranh luận và bảo vệ quan điểm cá nhân, xử lý các tình huống phát sinh trong giao tiếp, phản biện ý kiến, đánh giá... Môn học còn giúp sinh viên nâng cao vốn từ vựng chuyên về thương mại kinh tế kinh doanh quản trị.

1.2.11. Tiếng Anh- Đọc 1 (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước:

Mô tả: Môn học được thiết kế nhằm hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng đọc-hiểu các bài đọc ngắn bằng tiếng Anh đề cập đến những vấn đề trong kinh doanh như nhãn, thương hiệu; cơ cấu tổ chức; tiền tệ; quảng cáo, văn hóa, việc đổi mới, cạnh tranh và nhiều tình huống, ngữ cảnh khác nhau. Sinh viên được hướng dẫn, thực hành 2 kỹ năng đọc-hiểu: nắm bắt các ý chính của các bài đọc và nắm bắt các thông tin chi tiết được thể hiện trong bài.

1.2.12. Tiếng Anh- Đọc 2 (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Tiếng Anh- Đọc 1

Mô tả: Môn học được thiết kế nhằm hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên tiếp tục rèn luyện và phát triển kỹ năng đọc-hiểu các bài đọc bằng tiếng Anh với lượng từ lớn hơn đề cập đến các chủ đề trong kinh doanh như giao tiếp, thương mại điện tử, xây dựng nhóm, dịch vụ khách hàng, quản lý trong kinh doanh... Sinh viên có thể rút ra những bài học kinh nghiệm cho bản thân, trong việc lập kế hoạch, tổ chức, sắp xếp công việc, cập nhật thông tin thời sự liên quan đến công việc chuyên môn, khả năng làm việc độc lập.

1.2.13. Tiếng Anh- Đọc 3 (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Tiếng Anh- Đọc 2

Mô tả: Môn học cung cấp các kiến thức có mức độ chuyên sâu cao, giúp sinh viên tổng hợp lại các kỹ năng đã có từ các cấp độ trước, và giúp sinh viên dần dần xây dựng và củng cố các kỹ năng đọc cao cấp. Chuẩn bị cho sinh viên nền tảng để hoàn thiện kỹ năng đọc một cách toàn diện ở môn Đọc 4. Môn học cung cấp những hoạt động mang tính tương tác cao nhằm đem lại cho sinh viên nhiều cơ hội để làm quen với kiến thức mới bằng tiếng Anh ở mức độ trung-cao với vốn từ vựng mở rộng trong lĩnh vực Kinh tế -Thương mại và Quản trị kinh doanh.

1.2.14. Tiếng Anh- Đọc 4 (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Tiếng Anh- Đọc 3

Mô tả: Môn học cung cấp các kiến thức có mức độ cao cấp. Trong môn học này sinh viên sẽ được trang bị khả năng tổng hợp lại các kỹ năng đã có từ các cấp độ trước, và củng cố, phát triển các kỹ năng đọc một cách toàn diện. Sinh viên có khả năng đọc-hiểu các bài đọc dài hơn, phong phú hơn về từ vựng và kiến thức bằng tiếng Anh trong nhiều tình huống, ngữ cảnh khác nhau với các hoạt động mang tính tương tác cao. Sinh viên được khuyến khích sử dụng các kỹ năng ở mức độ cao cấp với vốn từ vựng mở rộng trong lĩnh vực kinh doanh.

1.2.15. Tiếng Anh- Viết 1 (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước:

Mô tả: Môn học được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên từng bước trong quy trình viết. Các kỹ năng được giới thiệu và luyện tập bao gồm viết các câu chủ đề trong một đoạn văn, cấu trúc một đoạn văn, sắp xếp câu trong đoạn văn,Sinh viên được hướng dẫn diễn giải, tóm lược và trích dẫn thông tin khi sử dụng để viết đoạn văn.

1.2.16. Tiếng Anh- Viết 2 (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Tiếng Anh- Viết 1

Mô tả: Môn học được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kỹ năng viết một bài luận ở bậc đại học gồm khoảng 5 đoạn. Sinh viên sẽ được hướng dẫn và tạo điều kiện để có thể thực hành viết các bài luận thuộc nhiều thể loại khác nhau như phân tích quy trình, so sánh, nêu nguyên nhân- kết quả, nghị luận, v.v..., viết tóm tắt và trình bày lại ý đã đọc. Sinh viên sẽ được tiếp cận với một số bài viết mẫu chọn lọc thuộc lĩnh vực thương mại nhằm bước đầu làm quen với vốn kiến thức chuyên ngành sẽ được học ở những học kỳ tiếp theo.

1.2.17. Tiếng Anh- Viết 3 (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Tiếng Anh- Viết 2

Mô tả: Môn học này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cần thiết để hoàn thành một bài viết học thuật cấp độ nâng cao có áp dụng các kỹ năng diễn giải, tóm lược, trích dẫn. Sinh viên cũng đồng thời phát triển khả năng làm việc nhóm và làm việc độc lập cao thông qua việc đọc và tham khảo nhiều nguồn tài liệu, sử dụng kiến thức thu thập được để bảo vệ luận điểm, quản lý thời gian và sắp xếp

công việc hợp lí và khoa học. Qua đó, các kĩ năng nghe, nói, đọc-hiểu cũng được nâng cao.

1.2.18. Tiếng Anh- Viết 4 (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Tiếng Anh- Viết 3

Mô tả: Môn học này trang bị cho sinh viên kiến thức về kĩ năng tiến hành và trình bày một bài nghiên cứu khoảng 3000 từ theo đúng hình thức và có nội dung thiết thực. Ngoài việc ứng dụng những kiến thức và kĩ năng viết đã học trong những học phần trước, sinh viên được hướng dẫn và thực hành các công đoạn nghiên cứu từ chọn đề tài và giới hạn đề tài, tìm và thu thập tài liệu, viết đề cương, đọc và ghi chép tài liệu, trình bày nội dung và dẫn chứng tài liệu, trình bày phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu.

1.2.19. Kỹ năng thuyết trình (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: bắt buộc

Môn học trước: Nói 4

Mô tả: Môn học được thiết kế nhằm hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh, đặc biệt là kỹ năng thuyết trình trong các buổi họp, các hội nghị, hội thảo trong lĩnh vực thương mại. Sinh viên được trang bị các nguyên tắc trong thuyết trình: tính thời gian, phân tích khán giả, chuẩn bị nội dung phù hợp, cấu trúc cần thiết để chuyển tiếp từ phần này sang phần khác, kỹ năng xử lý câu hỏi của khán giả...

1.2.20. Tiếng Trung quốc thương mại (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Tự chọn

Môn học trước: Tiếng Trung quốc 4

Mô tả: Môn học cung cấp cho sinh viên các từ vựng, ngữ pháp, mẫu câu tiếng Trung Quốc thường dùng trong các hoạt động giao tiếp thương mại. Bên cạnh đó, môn học còn bổ trợ thêm các kiến thức về văn hoá thương mại của người Trung Quốc. Sau môn học này, sinh viên sẽ có thể tự tin sử dụng tiếng Trung Quốc trong các hoạt động giao tiếp thương mại trong các tổ chức thương mại.

Tiếng Nhật thương mại (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Tự chọn

Môn học trước: Tiếng Nhật 4

Mô tả: Môn học Tiếng Nhật thương mại cung cấp cho sinh viên các từ ngữ rất cần thiết trong hội thoại trao đổi thương mại - kinh doanh, giúp người học hội đủ kiến thức

và kỹ năng để làm việc trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại, trao đổi thông tin, truyền thông cho công ty Nhật Bản hiện nay.

1.2.21. Kỹ năng làm bài thi HSK (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Tự chọn

Môn học trước: Tiếng Trung quốc 4

Mô tả: Môn học hướng dẫn sinh viên các kỹ thuật làm bài thi HSK cấp 3 (tức trình độ B1 của Khung năng lực ngoại ngữ châu Âu). Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng nghe, đọc, viết thông qua một số bài thi mẫu. Sau môn học này, sinh viên sẽ đủ tự tin để đạt được điểm cao trong bài thi HSK cấp 3.

Kỹ năng làm bài thi JLPT (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Tự chọn

Môn học trước: Tiếng Nhật 4

Mô tả: Môn học hướng dẫn sinh viên các kỹ thuật làm bài thi năng lực Nhật ngữ quốc tế JLPT, với bốn kỹ năng ngôn ngữ, một số mẹo vặt trong việc làm bài thi tiếng Nhật quốc tế được giới thiệu và thực hành. Thông qua một số bài thi mẫu, sinh viên đủ tự tin đạt điểm cao trong bài thi JLPT.

1.2.22. Thực hành viết thư tín thương mại (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Tự chọn

Môn học trước: Đọc 3, Viết 3

Mô tả: Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng viết cần thiết trong lĩnh vực thương mại: kỹ thuật viết thư từ giao dịch thương mại thuộc nhiều thể loại khác nhau như thư, email, báo cáo, thông báo, đơn từ, v.v. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho sinh viên cách xử lý các văn bản giao dịch thương mại liên quan đến các phương thức thanh toán, ngân hàng, bảo hiểm, vận tải, và những giao dịch thông thường khác.

1.3.1. Ngữ âm- Âm vị học (2 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Dẫn luận ngôn ngữ, Phát âm

Mô tả: Môn học này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh kiến thức cơ bản về hệ thống âm của tiếng Anh và cách sử dụng chúng trong tiếng Anh. Các chủ đề của học phần này có liên quan đến môn Ngữ pháp và một số môn lý thuyết tiếng khác. Môn học cũng giúp sinh viên hiểu thêm về cách phát âm đúng không chỉ ở cấp độ âm tiết riêng lẻ mà còn ở các cấp độ phức tạp hơn như trọng âm, ngữ điệu, v.v.

1.3.2. Hình thái- Cú pháp học (2 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Ngữ pháp, Ngữ âm- Âm vị học

Mô tả: Môn học này được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết ở mức độ dẫn luận về ngữ pháp trong phạm vi từ pháp học. Bên cạnh đó, sinh viên hiểu và vận dụng được các khái niệm, thuật ngữ cần thiết về các loại từ trong tiếng Anh, phân biệt được các loại câu, các loại kết hợp đẳng lập và chính phụ ở cấp độ ngữ và cú; biết phân tích, giải thích các hiện tượng ngữ pháp liên quan đến nội dung cú pháp và ngữ pháp.

1.3.3. Ngữ nghĩa học (2 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Hình thái- Cú pháp học

Mô tả: Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về Ngữ nghĩa học bao gồm kiến thức về nghĩa và các phương pháp nghiên cứu ngữ nghĩa học, bước đầu biết đánh giá, phê phán một số lý thuyết ngữ nghĩa học. Sinh viên sẽ có cơ hội để phát triển một số thủ pháp nghiên cứu ngữ nghĩa học: phương pháp phân tích thành tố nghĩa, đa nghĩa, đồng nghĩa, đồng âm, các quan hệ ý, quan niệm về mệnh đề và cú pháp logic.

1.3.4. Văn hóa Anh- Mỹ (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Nghe 4, Đọc 4

Mô tả: Môn học giới thiệu một số thông tin về đất nước, con người và sự kiện lịch sử nước Anh và Mỹ qua các giai đoạn cho đến thế kỷ 20. Qua đó, sinh viên có kiến thức về quá trình hình thành tính cách và giá trị văn hóa cơ bản. Ngoài ra, sinh viên có cơ hội tập giới thiệu và giải thích một số vấn đề trong cuộc sống hiện đại hàng ngày như: an sinh xã hội, giải trí, chính quyền, truyền thông, kinh tế, giáo dục v.v. trong mối quan hệ với những nền tảng văn hóa cơ bản.

1.3.5. Dẫn luận Văn học Anh- Mỹ (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Văn hóa Anh- Mỹ

Mô tả: Học phần giới thiệu nền văn học Anh- Mỹ qua các giai đoạn. Trong đó, sinh viên sẽ được giới thiệu những nét chính về bối cảnh xã hội, đặc điểm văn học với một số trào lưu văn học, các tác giả cùng các tác phẩm tiêu biểu. Ngoài ra, qua việc phân tích một số tác phẩm minh họa cho một số giai đoạn sáng tác quan trọng, sinh viên làm quen phương pháp nghiên cứu một tác phẩm dựa trên các yếu tố bên ngoài và bên trong tác phẩm.

1.3.6. Lý thuyết biên dịch (2 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Ngữ pháp, Đọc 4

Mô tả: Môn học trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về lý thuyết dịch, bao gồm các thuật ngữ dịch thuật thông dụng và một số phương pháp, kỹ thuật biên dịch căn bản... làm tiền đề để thực hành dịch ở các học phần tiếp theo. Ngoài ra, sinh viên tiếp nhận một hình ảnh tổng quan về những đặc trưng của tiếng Anh, với tư cách là ngôn ngữ nguồn, trong tương quan với tiếng Việt, với tư cách là ngôn ngữ đích.

1.3.7. Ngôn ngữ học đối chiếu (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Tự chọn

Môn học trước: Viết 3, Hình thái- Cú pháp học

Mô tả: Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về Ngôn ngữ học đối chiếu như một phân ngành trong Ngôn ngữ học ứng dụng. Từ nền tảng bước đầu này, sinh viên sẽ có cơ hội học chuyên sâu hơn về đối chiếu ngữ vựng Việt và Anh cho các mảng: Ngữ âm học, Từ vựng – ngữ nghĩa học, Ngữ pháp, Cú pháp học và Ngữ dụng học. Từ đó, sinh viên sẽ có thể ứng dụng khối kiến thức mới mẻ này vào mảng công việc biên phiên dịch

1.3.8. Giao tiếp liên văn hóa (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Tự chọn

Môn học trước: Văn hóa Anh- Mỹ

Mô tả: Môn học cung cấp kiến thức và những lý luận khái quát về giao tiếp và văn hóa giao tiếp, đi sâu vào những nguyên tắc và những kỹ năng cơ bản để giao tiếp hiệu quả. Trên cơ sở những lý luận khái quát về giao tiếp liên văn hóa và văn hóa so sánh, phân tích đặc điểm giao tiếp liên văn hóa từ góc độ bản sắc, tính cách dân tộc; phân tích loại hình các quan hệ giao tiếp liên văn hóa trong những bối cảnh, môi trường cụ thể như giao tiếp cá nhân, giao tiếp công sở, giao tiếp kinh doanh....

1.3.9. Tiếng Anh chuyên ngành Luật kinh doanh (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Tự chọn

Môn học trước: Nghe 3, Nói 3, Viết 3

Mô tả: Môn học được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên các thuật ngữ tiếng Anh liên quan đến lĩnh vực luật kinh doanh. Sinh viên có cơ hội đọc các bài đọc có nội dung về các đạo luật, nguyên tắc, quy định có hiệu lực trong kinh doanh. Sinh viên được thực hành 4 kỹ năng ngôn ngữ, vận dụng các kiến thức, từ vựng được cung cấp từ sách giáo khoa vào các tình huống pháp lý giả định.

1.3.10. Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý nhân sự (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Tự chọn

Môn học trước: Nghe 3, Nói 3, Viết 3

Mô tả: Môn học được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên cơ hội tiếp nhận kiến thức cơ bản qua các bài khóa trong tài liệu về quản lý nhân sự và vận dụng vào các tình huống giả định. Những nội dung của môn học bao gồm kỹ năng phỏng vấn, kỹ năng hướng dẫn/ đào tạo nhân sự mới, các quy trình tuyển dụng, đánh giá hiệu quả công việc của nhân sự.....

1.3.11. Kinh tế học vi mô (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Tự chọn

Môn học trước:

Mô tả: Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, khả năng nhận biết, hiểu và bước đầu áp dụng được những nội dung marketing cơ bản vào hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Người học cũng được giới thiệu những kiến thức cơ bản liên quan đến việc thu thập thông tin về thị trường, hiểu được hành vi của khách hàng, thực hiện được hoạt động phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và biết cách triển khai bộ công cụ marketing để phục vụ nhu cầu của khách hàng mục tiêu, đồng thời mang lại lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.

1.3.12. Quản trị học (2 tín chỉ)

Tính chất môn học: Tự chọn

Môn học trước:

Mô tả: Môn học được xây dựng gồm các phần chính nhằm giới thiệu đến sinh viên khối ngành kinh tế nói chung và sinh viên khoa Quản trị kinh doanh nói riêng nắm bắt được những vấn đề căn bản của quản trị: lịch sử phát triển, khái niệm, vai trò, những chức năng của quản trị; những kỹ năng của nhà quản trị. Từ đó sinh viên còn có khả năng vận dụng những nội dung này để làm nền tảng nhận thức, xác lập định hướng để trau dồi kỹ năng, đồng thời có khả năng nhận biết và giải quyết những vấn đề căn bản thuộc công tác quản trị.

1.3.13. Nguyên lý Marketing (2 tín chỉ)

Tính chất môn học: Tự chọn

Môn học trước:

Mô tả: Môn học được xây dựng gồm có các nguyên lý cơ bản của marketing. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, khả năng nhận biết, hiểu và bước đầu áp dụng được những nội dung marketing cơ bản vào hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Người học cũng được giới thiệu những kiến thức cơ bản liên quan đến việc thu thập thông tin về thị trường, hiểu được hành vi của khách hàng, thực hiện được hoạt động phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu.....

1.3.14. Nguyên lý kế toán (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Tự chọn

Môn học trước:

Mô tả: Môn học cung cấp kiến thức tổng quan về kế toán, cụ thể: đối tượng kế toán, vai trò và chức năng của kế toán. Bên cạnh đó, môn học trang bị kiến thức về các phương pháp kế toán: phương pháp chứng từ, kiểm kê, tài khoản, ghi sổ, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán. Ngoài ra môn học giúp người học hiểu về tổ chức công tác kế toán, các hình thức kế toán, hệ thống báo cáo tài chính.

1.3.15. Lý luận về nhà nước và pháp luật (2 tín chỉ)

Tính chất môn học: Tự chọn

Môn học trước:

Mô tả: Môn học này nghiên cứu về những vấn đề liên quan tới quy luật hình thành, phát triển và bản chất của nhà nước và pháp luật. Nội dung chính đề cập đến: các vấn đề lý luận và thực tiễn của nhà nước và pháp luật nói chung, nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng.

1.3.16. Thực hành biên dịch thương mại Anh-Việt (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Lý thuyết biên dịch

Mô tả: Môn học được thiết kế nhằm giúp sinh viên vận dụng các nguyên tắc và kỹ thuật biên dịch đã học ở học phần trước. Sinh viên được cung cấp các bài tập thực hành về các bản dịch Anh- Việt và được yêu cầu xác định những lỗi khiếm khuyết trên bản dịch đó dựa vào kiến thức đã học. Từ đó, sinh viên thực hành chuyển ngữ hiệu quả một số văn bản từ tiếng Anh sang tiếng Việt, nhất là các văn bản thuộc lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, thương mại.

1.3.17. Thực hành biên dịch thương mại Việt-Anh (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Thực hành biên dịch thương mại Anh-Việt

Mô tả: Đây là Môn học tiếp nối của môn Thực hành biên dịch thương mại Anh-Việt nhằm tiếp tục hoàn thiện kỹ năng dịch văn bản viết cho sinh viên, cụ thể là khả năng tìm được những mẫu câu và nét nghĩa tiếng Anh tương thích cho các văn bản kinh tế, thương mại bằng tiếng Việt. Qua các bài tập luyện dịch, một vài khó khăn đặc trưng của công tác chuyển ngữ từ tiếng Việt sang tiếng Anh sẽ được đem ra phân tích, chẳng hạn như việc dịch tiêu đề của các tờ báo, dịch số liệu, dịch tên các cơ quan, đơn vị và chức danh lãnh đạo trong hệ thống hành chính Nhà nước CHXHCN Việt Nam sang tiếng Anh.

1.3.18. Tiếng Anh thương mại 1 (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Nghe 3, Nói 3, Viết 3

Mô tả: Môn học được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên các thuật ngữ tiếng Anh liên quan đến lĩnh vực tài chính và ngân hàng. Sinh viên có cơ hội tiếp cận với các bài đọc trích từ báo chí, văn bản của chuyên ngành, các bảng báo cáo tài chính. Sinh viên được thực tập 4 kỹ năng ngôn ngữ, vận dụng các kiến thức và từ vựng trong các tình huống thực tế trong các tổ chức tài chính.

1.3.19. Tiếng Anh thương mại 2 (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Nghe 3, Nói 3, Viết 3

Mô tả: Môn học được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên các thuật ngữ tiếng Anh liên quan đến lĩnh vực quản trị kinh doanh như quản trị chiến lược, quản trị sự thay đổi, quản trị sản xuất, Sinh viên có cơ hội tiếp cận với các bài đọc trích từ báo chí, văn bản của chuyên ngành, các tình huống giao tiếp trong công việc quản lý nói chung. Sinh viên được thực tập 4 kỹ năng ngôn ngữ, vận dụng các kiến thức và từ vựng trong các tình huống liên quan đến quản trị kinh doanh nói chung.

1.3.20. Học phần thực tập cuối khóa (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Theo Quy chế đào tạo

Mô tả: Thực tập tốt nghiệp là học phần bắt buộc trong một chương trình đào tạo. Học phần này hướng dẫn sinh viên khảo sát, nghiên cứu, thực hành các hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kinh tế, kinh doanh, thương mại tại các tổ chức tài chính hoặc phi tài chính. Thông qua học phần này, sinh viên ứng dụng kiến thức đã được học vào công việc, nhiệm vụ cụ thể để hiểu rõ hơn lý thuyết. Ngoài ra, sinh viên cũng có cơ hội bổ sung kiến thức, và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cần thiết tại môi trường làm việc thực tế.

1.3.21. Học phânkhóa luận tốt nghiệp (9 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Theo Quy chế đào tạo

Mô tả: Sinh viên năm cuối đủ điều kiện viết khóa luận tốt nghiệp có thể đăng ký thực hiện một đề tài thuộc ngành Ngôn ngữ Anh – chuyên ngành Tiếng Anh Thương Mại dưới sự hướng dẫn của một giảng viên do khoa chỉ định. Sinh viên phải tuân thủ các yêu cầu và quy trình thực hiện một khóa luận tốt nghiệp, từ việc chọn đề tài, thiết kế đề cương, lựa chọn phương pháp nghiên cứu, thu thập và xử lý dữ liệu, cũng như trình

bày và bảo vệ đề tài trước hội đồng. Qua học phần này, sinh viên sẽ rèn luyện được kỹ năng nghiên cứu độc lập, kỹ năng tìm kiếm, thu thập và chọn lọc tài liệu cũng như kỹ năng phân tích, tổng hợp và tư duy phê phán.

1.3.22-1.3.24. Nhóm môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp (9 tín chỉ)

Phiên dịch thương mại (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Thực hành biên dịch thương mại Việt-Anh

Mô tả: Môn học cung cấp cho sinh viên một cái nhìn tổng quan về ngành phiên dịch (dịch nói), bao gồm các loại hình phiên dịch phổ biến cùng những nguyên tắc và kỹ thuật phiên dịch căn bản. Sinh viên bước đầu luyện tập các kỹ năng phiên dịch căn thiết trên nền ngữ liệu là các tình huống giao dịch đàm phán thương mại hoặc các bản tin kinh tế (Anh→ Việt; Việt→ Anh). Ngoài ra, môn học còn chú trọng rèn luyện kỹ năng nghe hiểu cũng như xây dựng cho sinh viên vốn kiến thức chuyên ngành ngày một sâu rộng hơn.

Phân tích diễn ngôn (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Ngữ nghĩa học, Lý thuyết biên dịch

Mô tả: Môn học nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về phân tích diễn ngôn, bao gồm mục đích, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu và hệ các vấn đề có liên quan đến phân tích diễn ngôn. Những vấn đề về giao tiếp, đặc trưng của diễn ngôn, liên kết trong diễn ngôn, mạch lạc trong diễn ngôn và các loại diễn ngôn.

Tiếng Anh giao tiếp kinh doanh (3 tín chỉ)

Tính chất môn học: Bắt buộc

Môn học trước: Nghe 4, Nói 4

Mô tả: Môn học được thiết kế nhằm giúp sinh viên phát triển các kỹ năng cơ bản trong giao tiếp kinh doanh như thiết lập quan hệ xã hội, giao tiếp qua điện thoại, tham dự hội nghị và kỹ năng thương thảo. Sinh viên cũng có cơ hội tìm hiểu về tầm quan trọng của văn hóa và khác biệt văn hóa trong giao tiếp kinh doanh.

13. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

STT (*)	TÊN MÔN HỌC	STC	PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY	HỌC HÀM, HỌC VỊ
1.1.1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	1. Hồ Trần Hùng	ThS
			2. Hà Thanh Quyền	ThS, GVC

			3. Phùng Văn Ứng	ThS
			4. Võ Thị Yến	ThS
			5. Ông Văn Năm	TS
			6. Trần Mai Ước	TS
			7. Vũ Văn Gầu	PGS, TS
1.1.2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	1. Cung Thị Tuyết Mai	TS, GVC
			2. Hồ Việt Hà	ThS
			3. Trương Thị Thùy Dung	ThS
			4. Dương Thị Thanh Hậu	ThS
			5. Nguyễn Quốc Toàn	ThS
			6. Ngô Gia Lưu	TS
			7. Nguyễn Thị Thanh Liên	TS
1.1.3	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	2	1. Hà Thanh Quyền	ThS
			2. Hồ Trần Hùng	ThS
			3. Nguyễn Thị Thu Lài	ThS
			4. Võ Thị Yến	ThS
			5. Ngô Thị Kim Liên	ThS
			6. Vũ Thị Thu Hiền	ThS
			7. Trần Mai Ước	TS
			8. Ông Văn Năm	TS
1.1.4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	1. Ngô Thị Kim Liên	ThS
			2. Nguyễn Thị Thu Lài	ThS
			3. Vũ Thị Thu Hiền	ThS
			4. Dương Thị Thanh Hậu	ThS
			5. Lê Xuân Minh	ThS
			6. Ngô Quang Định	TS
			7. Phan Thị Cẩm Lai	ThS
1.1.5	Tiếng Việt thực hành	2	1. Lưu Hón Vũ	TS
			2. Nguyễn Thạc San	ThS

			3. Ngô Thị Minh Hằng	ThS
			4. Phan Xuân Viện	ThS
			5. Lê Thị Thanh Vy	ThS
			6. Lê Thị Thanh Huyền	ThS
1.1.6	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	1. Lưu Hớn Vũ	TS
			2. Phan Thị Lệ Hoa	ThS
1.1.7	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2	1. Lưu Hớn Vũ	TS
			2. Lê Thị Thùy Nhung	TS
			3. Đào Nguyễn Anh Đức	ThS
1.1.8- 1.1.11	Tiếng Trung quốc 1-4	12	1. Lưu Hớn Vũ	TS
			2. Đỗ Uyên Thiên Trang	ThS
1.1.8- 1.1.11	Tiếng Nhật 1-4	12	1. Võ Văn Bản	ThS
			2. Võ Đức Tâm	ThS
1.1.12	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1. Nguyễn Thạc San	ThS
			2. Ngô Thị Minh Hằng	ThS
			3. Phan Xuân Viện	ThS
			4. Lê Thị Thanh Vy	ThS
			5. Dương Hoàng Lộc	ThS
1.1.13	Logic học	2	1. Trần Mai Ước	TS
			2. Phạm Đình Nghiệm	PGS, TS
			3. Nguyễn Quỳnh Anh	ThS
			4. Phạm Thị Kiên	TS
			5. Nguyễn Thị Phụng	TS
1.1.14	Tâm lý học	2	1. Nguyễn Thị Trang Nhung	ThS
			2. Huỳnh Lâm Anh Chương	TS
			3. Lê Thị Linh Trang	TS
			4. Nguyễn Thi Diễm My	ThS
			5. Phạm Thị Ánh Hoa	ThS
			6. Lê Thị Hằng	ThS
1.2.1	Ngữ pháp	3	1. Nguyễn N Phương Dung	ThS

			2. Lê Thị Minh Thủy	ThS
			3. Võ Đức Tâm	ThS
			4. Hoàng Anh Thư	ThS
			5. Nguyễn Thị Thanh Trúc	ThS
			6. Đinh Thị Thùy Trang	ThS
			7. Phan Thị Lệ Hoa	ThS
			8. Phạm Lê Sùng Chính	ThS
1.2.2	Phát âm	3	1. Lê Thị Minh Thủy	ThS
			2. Võ Thị Bảo Châu	ThS
			3. Đào Nguyễn Anh Đức	ThS
1.2.3- 1.2.6	Tiếng Anh- Nghe 1, Nghe 2, Nghe 3, Nghe 4	12	1. Nguyễn N Phương Dung	ThS
			2. Lê Thị Minh Thủy	ThS
			3. Võ Đức Tâm	ThS
			4. Hoàng Anh Thư	ThS
			5. Nguyễn Thị Thanh Trúc	ThS
			6. Đinh Thị Thùy Trang	ThS
			7. Phạm Lê Sùng Chính	ThS
			8. Phan Thị Lệ Hoa	ThS
			9. Nguyễn Hồng Oanh	ThS
			10. Cù Nhựt Sương	ThS
			11. Lê Thị Thùy Nhung	TS
			12. Lê Nguyễn Bảo	ThS
1.2.7- 1.2.10	Tiếng Anh- Nói 1, Nói 2, Nói 3, Nói 4	12	1. Lê Thị Thùy Nhung	TS
			2. Lê Thị Minh Thủy	ThS
			3. Hoàng Anh Thư	ThS
			4. Nguyễn Thị Thanh Trúc	ThS
			5. Đinh Thị Thùy Trang	ThS
			6. Phạm Lê Sùng Chính	ThS
			7. Phan Thị Lệ Hoa	ThS
			8. Cù Nhựt Sương	ThS

			9. Võ Thị Bảo Châu	ThS
			10. Lê Nguyễn Bảo	ThS
			11. Nguyễn Quang Nhật	ThS
1.2.11- 1.2.14	Tiếng Anh- Đọc 1. Đọc 2, Đọc 3, Đọc 4	12	1. Nguyễn N Phương Dung	ThS
			2. Lê Thị Minh Thủy	ThS
			3. Lê Nguyễn Bảo	ThS
			4. Lê Thị Thùy Nhung	TS
			5. Nguyễn Quang Nhật	ThS
			6. Đào Nguyễn Anh Đức	ThS
			7. Võ Thị Bảo Châu	ThS
			8. Cù Nhựt Sương	ThS
			9. Lý Ngọc Toàn	ThS
			10. Võ Thanh Tuấn	ThS
			11. Phan Thị Lệ Hoa	ThS
			12. Phạm Lê Sùng Chính	ThS
			13. Võ Đức Tâm	ThS
			14. Hoàng Anh Thư	ThS
			15. Nguyễn T Thanh Trúc	ThS
			16. Đinh Thị Thùy Trang	ThS
1.2.15- 1.2.18	Tiếng Anh- Viết 1, Viết 2, Viết 3, Viết 4	12	1. Nguyễn N Phương Dung	ThS
			2. Lê Thị Minh Thủy	ThS
			3. Võ Đức Tâm	ThS
			4. Hoàng Anh Thư	ThS
			5. Nguyễn Thị Thanh Trúc	ThS
			6. Đinh Thị Thùy Trang	ThS
			7. Phạm Lê Sùng Chính	ThS
			8. Phan Thị Lệ Hoa	ThS
			9. Cù Nhựt Sương	ThS
			10. Võ Thị Bảo Châu	ThS
			11. Lê Nguyễn Bảo	ThS

			12. Lê Thị Thùy Nhung	TS
			13. Lý Ngọc Toàn	ThS
			14. Võ Thanh Tuấn	ThS
1.2.19	Kỹ năng thuyết trình	3	1. Đào Nguyễn Anh Đức	ThS
			2. Nguyễn Quang Nhật	ThS
			3. Nguyễn Hồng Oanh	ThS
			4. Hoàng Anh Thư	ThS
1.2.20	Tiếng Trung quốc thương mại 1	3	1. Lưu Hón Vũ	TS
			2. Đỗ Uyên Thiên Trang	ThS
1.2.20	Tiếng Nhật thương mại 1	3	1. Võ Văn Bản	ThS
			2. Võ Đức Tâm	ThS
1.2.21	Kỹ năng làm bài thi HSK	3	1. Lưu Hón Vũ	TS
			2. Đỗ Uyên Thiên Trang	ThS
1.2.21	Kỹ năng làm bài thi JPL	3	1. Võ Văn Bản	ThS
			2. Võ Đức Tâm	ThS
1.2.22	Thực hành Viết Thư tín Thương mại	3	1. Nguyễn N Phương Dung	ThS
			2. Đinh Thị Thùy Trang	ThS
			3. Lê Nguyễn Bảo	ThS
1.3.1	Ngữ âm – Âm vị học	2	1. Lê Thị Minh Thủy	ThS
			2. Võ Thị Bảo Châu	ThS
			3. Đào Nguyễn Anh Đức	ThS
1.3.2	Hình thái- Cú pháp học	2	1. Lê Nguyễn Bảo	ThS
			2. Đào Nguyễn Anh Đức	ThS
			3. Nguyễn Hồng Oanh	ThS
			4. Võ Thị Bảo Châu	ThS
1.3.3	Ngữ nghĩa học	2	1. Lê Nguyễn Bảo	ThS
			2. Đào Nguyễn Anh Đức	ThS
			3. Nguyễn Hồng Oanh	ThS
			4. Võ Thị Bảo Châu	ThS
1.3.4	Văn hoá Anh- Mỹ	3	1. Lê Thị Thùy Nhung	T

			2. Phạm Lê Sùng Chính	ThS
			3. Lý Ngọc Toàn	ThS
1.3.5	Dẫn luận Văn học Anh - Mỹ	3	1. Lê Thị Thùy Nhung	TS
			2. Phạm Lê Sùng Chính	ThS
			3. Lý Ngọc Toàn	ThS
1.3.6	Lý thuyết biên dịch	2	1. Cù Nhật Sương	ThS
			2. Nguyễn Quang Nhật	ThS
			3. Nguyễn Hồng Oanh	ThS
1.3.7	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	1. Lưu Hón Vũ	TS
			2. Lý Ngọc Toàn	ThS
			3. Phan Thị Lệ Hoa	ThS
1.3.8	Giao tiếp liên văn hóa	3	1. Lê Thị Thùy Nhung	TS
			2. Phạm Lê Sùng Chính	ThS
			3. Võ Thị Bảo Châu	ThS
1.3.9	Tiếng Anh chuyên ngành Luật kinh doanh	3	1. Võ Đức Tâm	ThS
			2. Lý Ngọc Toàn	ThS
			3. Hoàng Anh Thư	ThS
			4. Đinh Thị Thùy Trang	ThS
1.3.10	Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý Nhân sự	3	1. Nguyễn N Phương Dung	ThS
			2. Phạm Lê Sùng Chính	ThS
			3. Nguyễn Thị Thanh Trúc	ThS
			4. Võ Thanh Tuấn	ThS
1.3.11	Kinh tế học vi mô	3	1. Hạ Thị Thiệu Dao	PGS, TS
			2. Nguyễn Hồ Phương Chi	ThS
			3. Trần Thị Thuỳ Dung	ThS
			4. Trương Thị Hạnh	
			5. Nguyễn Thị Thu Hương	ThS
			6. Nguyễn Thanh Minh	ThS
			7. Lê Trung Nhân	ThS
			8. Lê Phan Ái Nhân	ThS

			9. Lê Thị Thương	ThS
			10. Nguyễn Văn Tùng	ThS
1.3.12	Quản trị học	3	1. Nguyễn Văn Thụy	TS
			2. Trần Dục Thức	TS
			3. Bùi Quang Tín	TS
			4. Lê Ngọc Thắng	ThS
			5. Hồ Thiện Thông Minh	ThS
			6. Đặng T Thanh Nhân	ThS
			7. Nguyễn Thị Anh Thy	ThS
			8. Dương Văn Bôn	ThS
			9. Nguyễn Phúc Quý Thạnh	ThS
			10. Trương Đình Thái	ThS
			11. Võ Thị Ngọc Linh	ThS
1.3.13	Nguyên lý Marketing	2	1. Trần Văn Đạt	TS
			2. Hoàng Thị Thanh Hằng	TS
			3. Nguyễn Văn Thích	TS
			4. Nguyễn Thị Thanh Nhân	ThS
			5. Châu Đình Linh	ThS
			6. Lê Minh Hoàng Long	ThS
			7. Phạm Ngọc Thu Trang	ThS
			8. Trần Thị Ngọc Quỳnh	ThS
1.3.14	Nguyên lý kế toán	3	1. Nguyễn Thị Loan	PGS, TS
			2. Trần Quốc Thịnh	TS
			3. Nguyễn Thị Mai Hương	TS
			4. Nguyễn Quỳnh Hoa	TS
			5. Huỳnh Thị Ngọc Anh	ThS
			6. Mai Hồng Chi	ThS
			7. Phùng Thị Hồng Gấm	ThS
			8. Nguyễn Thị Hiền	ThS
			9. Tiêu Thị Thanh Hoa	ThS

			10. Lê Mỹ Hoàng	ThS
			11. Nguyễn Thanh Huyền	ThS
			12. Đỗ Thị Hương	ThS
			13. Nguyễn Phương Mai	ThS
			14. Lương Xuân Minh	ThS
			15. Nguyễn Thị Hằng Nga	ThS
			16. Hồ Hạnh Mỹ	ThS
			17. Phạm Ngọc Nam	ThS
			18. Lý Hoàng Oanh	ThS
			19. Nguyễn Xuân Nhật	ThS
			20. Đoàn Quỳnh Phương	ThS
			21. Nguyễn Thị Kim Phụng	ThS
			22. Dương N Thanh Tâm	ThS
			23. Nguyễn Thị Tường Tâm	ThS
			24. Trần Thị Tuyết Vân	ThS
			25. Nguyễn Thị Thục Đoan	ThS
			26. Nguyễn Hoàng Bình	ThS
			27. Trần Thị Thu Thủy	ThS
			28. Trần Thị Hải Vân	ThS
1.3.15	Lý luận về Nhà nước và Pháp luật	2	1. Võ Song Toàn	ThS
			2. Nguyễn Thị Thu Thủy	TS
			3. Bùi Kim Dung	ThS
			4. Nguyễn Thị Kim Thoa	ThS
			5. Nguyễn Kiên Bích Tuyên	ThS
			6. Bùi Huy Tùng	ThS
			7. Vương Tuyết Linh	ThS
1.3.16	Thực hành biên dịch thương mại Anh – Việt	3	1. Cù Nhựt Sương	ThS
			2. Nguyễn Quang Nhật	ThS
			3. Phan Thị Lê Hoa	ThS
			4. Lê Nguyễn Bảo	ThS

			5. Nguyễn N Phương Dung	ThS
			6. Phạm Lê Sùng Chính	ThS
1.3.17	Thực hành biên dịch thương mại Việt – Anh	3	1. Cù Nhật Sương	ThS
			2. Nguyễn Quang Nhật	ThS
			3. Phan Thị Lê Hoa	ThS
			4. Lê Nguyễn Bảo	ThS
			5. Hoàng Anh Thư	ThS
			6. Võ Đức Tâm	ThS
1.3.18	Tiếng Anh thương mại 1	3	1. Nguyễn N Phương Dung	ThS
			2. Võ Đức Tâm	ThS
			3. Võ Thanh Tuấn	ThS
			4. Đinh Thị Thùy Trang	ThS
			5. Nguyễn Thị Thanh Trúc	ThS
1.3.19	Tiếng Anh thương mại 2	3	1. Nguyễn N Phương Dung	ThS
			2. Võ Đức Tâm	ThS
			3. Võ Thanh Tuấn	ThS
			4. Đinh Thị Thùy Trang	ThS
			5. Nguyễn Thị Thanh Trúc	ThS
1.3.22	Phiên dịch thương mại	3	1. Cù Nhật Sương	ThS
			2. Nguyễn Quang Nhật	ThS
			3. Lê Nguyễn Bảo	ThS
1.3.23	Phân tích diễn ngôn	3	1. Lê Thị Thùy Nhung	TS
			2. Phan Thị Lệ Hoa	ThS
			3. Lý Ngọc Toàn	ThS
1.3.24	Tiếng Anh giao tiếp kinh doanh	3	1. Nguyễn N Phương Dung	ThS
			2. Đinh Thị Thùy Trang	ThS
			3. Võ Thị Bảo Châu	ThS
			4. Lê Thị Minh Thủy	ThS
			5. Hoàng Anh Thư	ThS
			2. Võ Đức Tâm	ThS

			4. Nguyễn Thị Thanh Trúc	ThS
			5. Lê Thị Minh Thủy	ThS

(*) Ghi STT môn học khớp với STT trong Bảng khung Chương trình đào tạo

14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

14.1. Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp: Trường hợp sinh viên không thực hiện học phần Khóa luận tốt nghiệp, nhóm các học phần thay thế phải có tổng số tín chỉ tương đương là 9.

14.2. Các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng: Là điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp (có chứng chỉ hoàn thành), không được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy.

14.3. Chuẩn Tin học: Sau khi nhập học, sinh viên phải dự kiểm tra trình độ tin học căn bản (theo chuẩn A, B, C). Những trường hợp không đủ chuẩn phải xuất trình chứng chỉ theo lộ trình do Trường quy định: Chuẩn Tin học sau khi kết thúc năm thứ I là đạt chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin căn bản. Chuẩn Tin học đầu ra đạt chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao.

14.4. Chuẩn đầu ra Tiếng Anh: Sinh viên phải đạt chuẩn Tiếng Anh cấp độ C1 (hoặc tương đương) theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo tại Quyết định số: 1400/QĐ-TTg ngày 30/9/2008.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Bùi Hữu Toàn